Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8502.31.20

Mã HS	8502.31.20
Mô tả hàng hóa	Tổ máy phát điện và máy biến đổi điện quay / - Tổ máy phát điện khác: / - - Chạy bằng sức gió: / - - - Công suất trên 10.000 kVA
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	11/11/2026 04:55:16
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85023120/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14941
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14941
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14941
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E14235
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14176
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14176
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14176
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14176
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14176
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14176
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E14230
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F14230

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G14230
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H14230
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I14230
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J14230
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E14231
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F14231
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G14231
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H14231
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I14231
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J14231
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F14234
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14182
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F14190
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G14190
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H14190
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I14190
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J14190
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K14190
VKFTA	2022	2022	0	VK!E14221
VKFTA	2023	2023	0	VK!F14221
VKFTA	2024	2024	0	VK!G14221
VKFTA	2025	2025	0	VK!H14221
VKFTA	2026	2026	0	VK!I14221
VKFTA	2027	2027	0	VK!J14221
VCFTA	2022	2022	0	VC!D14276
VCFTA	2023	2023	0	VC!E14276

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14276
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14276
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14276
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14276
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D14253
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E14253
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F14253
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G14253
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H14253
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I14253
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D14253
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E14253
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F14253
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G14253
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H14253
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I14253
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D14268
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E14268
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F14268
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14268
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14268
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14268
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D14267
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E14267
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F14267
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14267

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14267
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14267
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14260
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14260
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14260
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14260
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14260
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14260
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14260
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D14255
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E14255
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F14255
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G14255
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H14255
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I14255
RCEP B	2022	2022	0	B!D14255
RCEP B	2023	2023	0	B!E14255
RCEP B	2024	2024	0	B!F14255
RCEP B	2025	2025	0	B!G14255
RCEP B	2026	2026	0	B!H14255
RCEP B	2027	2027	0	B!I14255
RCEP C	2022	2022	0	C!D14255
RCEP C	2023	2023	0	C!E14255
RCEP C	2024	2024	0	C!F14255
RCEP C	2025	2025	0	C!G14255
RCEP C	2026	2026	0	C!H14255

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I14255
RCEP D	2022	2022	0	D!D14254
RCEP D	2023	2023	0	D!E14254
RCEP D	2024	2024	0	D!F14254
RCEP D	2025	2025	0	D!G14254
RCEP D	2026	2026	0	D!H14254
RCEP D	2027	2027	0	D!I14254
RCEP E	2022	2022	0	E!D14258
RCEP E	2023	2023	0	E!E14258
RCEP E	2024	2024	0	E!F14258
RCEP E	2025	2025	0	E!G14258
RCEP E	2026	2026	0	E!H14258
RCEP E	2027	2027	0	E!I14258
RCEP F	2022	2022	0	F!D14255
RCEP F	2023	2023	0	F!E14255
RCEP F	2024	2024	0	F!F14255
RCEP F	2025	2025	0	F!G14255
RCEP F	2026	2026	0	F!H14255
RCEP F	2027	2027	0	F!I14255
VIFTA	2024	2024	0	VI!F13255
VIFTA	2025	2025	0	VI!G13255
VIFTA	2026	2026	0	VI!H13255
VIFTA	2027	2027	0	VI!I13255

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8502.31 có 2 dòng thuế; dòng 8502.31.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Công suất trên 10.000 kVA.	8502.31.10 Công suất không quá 10.000 kVA	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-003	YELLOW	Có biện pháp PVTM với xuất xứ khác	Chống bán phá giá: Một số sản phẩm tháp điện gió – áp dụng cho CN (3453/QĐ-BCT). Xuất xứ đã chọn không nằm trong danh sách nhưng cần lưu ý rủi ro lẩn tránh.	TR-07 · Áp thuế chống bán phá giá đối với Một số sản phẩm tháp điện gió (CN)	3453/QĐ-BCT	Lưu giữ hồ sơ chứng minh xuất xứ và nhà sản xuất thực tế.	Căn cứ: HT + cột chính sách mặt hàng BT2026 (nguồn); phạm vi chi tiết chưa xác minh
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8502.31.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14941), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Áp thuế CBPG Một số SP tháp điện gió (CN) (3453/QĐ-BCT-2024)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.